TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-PT

Ngày: 22/11/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu.

Các thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh, bà Tòng Thị Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hà Kiều Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLPT-KDMT ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2023/KDTM-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C1, chi nhánh tỉnh S (V1).

Địa chỉ: Số I, đường N, thành phố S, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thu H1 - Phó Giám đốc (Theo văn bản uỷ quyền ngày 28/2/2023). “Có mặt”

2. Bị đơn: Ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2.

Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. “Vắng mặt”.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Quàng Thị M và ông Lèo Văn C. "Vắng mặt"

+ Bà Quàng Thị P và ông Lò Văn K. "Vắng mặt"

+ Ông Quàng Văn È và bà Quàng Thị K1. "Vắng mặt"

+ Ông Lường Văn B và bà Lèo Thị P1. "Có mặt"

+ Ông Quàng Văn P2 và bà Quàng Thị V. "Có mặt"

Đều có địa chỉ tại bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La.

+ Ông Quàng Văn H3, bà Quàng Thị T. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; Người đại diện hợp pháp của ông Quàng Văn H3, bà Quàng Thị T: Ông Quàng Văn H4, văn bản uỷ quyền ngày 12/9/2023. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. "Vắng mặt"

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lường Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP C1, chi nhánh tỉnh S (V1) trình bày như sau:

Ngày 10/02/2022 ông Quàng Văn O và V1 đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 07.25/2022-HĐCVHM/NHCT190 với mục đích vay vốn để phục vụ kinh doanh mua bán nông sản (có giấy phép đăng ký kinh doanh) với số tiền 5.000.000.000 đồng.

Biện pháp bảo đảm:

V1 Chi nhánh tỉnh S nhận thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 69.25/2016-HĐTC ngày 15/11/2016: Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 702257 do UBND Huyện M cấp ngày 02/11/2016. Số vào sổ cấp GCN: CH00112 QĐ số: 3393/QĐ-UBND mang tên bà Quàng Thị M và ông Lèo Văn C, địa chỉ tại Bản P, Xã M, Huyện M, Tỉnh Sơn La, số thửa đất: 418, tờ bản đồ: 16, diện tích: 6775m^2 đất trồng cây hàng năm khác, sử dụng đến 15/9/2066. Tài sản trên đất là: Kho lương thực sức chứa 1.500 tấn, diện tích sàn 6700m^2.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 05.25/2017-HĐTC ngày 13/02/2017: 39.30/2018-HĐBĐ/NHCT190 ngày 19/11/2018: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 596346 mang tên ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2. Số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CS00113 Quyết định Số: 24/QĐ-STNMT do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh S cấp ngày 12/01/2017, địa chỉ tại bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, số thửa: 379, tờ bản đồ: 16, diện tích:

364 m^2. Tài sản trên đất là: Nhà xây 2 tầng kiên cố diện tích xây dựng 160m^2, diện tích sử dụng 320m^2.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 55.25/2017-HĐTC ngày 09/11/2017: Quyền sử dụng đất số AN 863793 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009. Số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số: 00296/QSDĐ: Quyển 01 QĐ số: 2473/QĐ- UBND mang tên hộ bà Quàng Thị P và ông Lò Văn K, địa chỉ tại bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, số thửa đất: 15, tờ bản đồ: 16, diện tích: 761m^2 trong đó đất ở nông thôn 400m^2, đất trồng cây lâu năm 361m^2. Tài sản trên đất là: Nhà xây 01 tầng, diện tích xây dựng 200m^2, diện tích sử dụng 200m^2.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 53.25/2017-HĐTC ngày 09/11/2017: Quyền sử dụng đất số AN 863723 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009. Số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số: 00223/QSDĐ: Quyển 01 QĐ số: 2473/QĐ- UBND mang tên hộ ông Quàng Văn È và bà Quàng Thị K1, địa chỉ tại bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, số thửa đất: 286, tờ bản đồ: 11, diện tích: 1045m^2 trong đó đất ở nông thôn 400m^2, đất trồng cây lâu năm 645m^2. Tài sản trên đất là: Nhà mái thái, diện tích xây dựng 60m^2, diện tích sử dụng 60m^2.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 54.25/2017-HĐTC ngày 09/11/2017: Quyền sử dụng đất số AN 863705 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009. Số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số: 00203/QSDĐ: Quyển 01 QĐ số: 2473/QĐ- UBND mang tên hộ ông Lường Văn B và bà Lèo Thị P1, địa chỉ tại bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, số thửa đất: 51, tờ bản đồ: 16, diện tích: 1643m^2 trong đó đất ở nông thôn 400m^2, đất trồng cây lâu năm 1243m^2. Tài sản trên đất là: Nhà xây 01 tầng mái lợp tôn, diện tích xây dựng 104m^2, diện tích sử dụng 104m^2.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 39.30/2018-HĐBĐ/NHCT190 ngày 19/11/2018: Quyền sử dụng đất số BT 553584 do UBND Huyện M cấp ngày 20/10/2004. Số vào sổ cấp GCN: CH01448 QĐ số 2816/QĐ-UBND mang tên ông Lèo Văn Q đã chuyển nhượng cho ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 theo xác nhận của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M ngày 03/08/2018, địa chỉ tại bản Giàn, xã M, Huyện M, tỉnh Sơn La, số thửa đất: 3, tờ bản đồ: 51, diện tích: 113.6 m^2 trong đó đất ở 60m^2, đất trồng cây lâu năm 53.6m^2. Chưa có tài sản trên đất.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 06.01/2019-HĐBĐ/NHCT190 ngày 18/3/2019: Quyền sử dụng đất số AN 863613 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009. Số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số: 00013/QSDĐ: Quyển 01 QĐ số: 2473/QĐ-UBND mang tên hộ ông Quàng Văn H3 và bà Quàng Thị T, địa chỉ tại bản H, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, số thửa đất: 19, tờ bản đồ: 8, diện tích: 1332 m^2 trong đó đất ở nông thôn 400 m^2, Đất trồng cây lâu năm: 932 m^2. Tài sản trên đất là: Nhà 2 tầng kiên cố diện tích xây dựng 107 m^2, diện tích sàn 224 m^2.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 21.01/2019-HĐBĐ/NHCT190 ngày 17/11/2009. Số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số: 00286/QSDĐ: Quyển 01 03/10/2019: Quyền sử dụng đất số AN 863785 do UBND Huyện M cấp Việt, địa chỉ tại bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn QĐ số: 2473/QĐ-UBND mang tên hộ ông Quàng Văn P2 và bà Quàng Thị V, số thửa đất: 32, tờ bản đồ: 16, diện tích: 3161 m^2 trong đó đất ở nông thôn 400 m^2, đất trồng cây lâu năm: 2761m^2. Tài sản trên đất là: Nhà sàn gỗ, diện tích xây dựng 80 m^2.

V1 Chi nhánh tỉnh S nhận cầm cố theo hợp đồng cầm cố số 11.01/2021/HĐBĐ/NHCT190 ngày 10/9/2021 đối với 05 trái phiếu mã số CTG1828T2/01-0532 ngày 29/6/2018 mang tên ông Quàng Văn O.

Giấy tờ pháp lý liên quan đến tài sản thế chấp: Bản gốc các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Các tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện M theo đúng quy định của pháp luật. Tình trạng tài sản bảo đảm: Còn nguyên trạng, hiện không có tranh chấp, tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định.

Việc vi phạm nghĩa vụ:

Ông Quàng Văn O không trả khoản nợ khi đến hạn theo phân kỳ trả nợ, khoản nợ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 26/3/2022. V1 Chi nhánh tỉnh S đã nhiều lần làm việc, giải thích, tuyên truyền, thuyết phục, lập các biên bản làm việc, các giấy xác nhận nợ với ông Quàng Văn O, bà Cà Thị H2 và những người liên quan, nhưng ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Dư nợ đến ngày 15/3/2023: Gốc: 4.750.256.752 đồng, lãi quá hạn: 454.859.275 đồng. Cộng gốc và lãi: 5.205.116.027 đồng (Bằng chữ: năm tỷ hai trăm linh năm triệu một trăm mười sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

V1 Chi nhánh tỉnh S đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo hợp đồng tín dụng 07.25/2022-HĐCVHM/NHCT190, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Tuy nhiên, tính đến nay, ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho V1, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với V1, cố tình không hợp tác đầy đủ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, một số người liên quan không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của V1, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của V1.

Quá trình giải quyết vụ án V1 Chi nhánh tỉnh S và ông Quàng Văn O, bà Cà Thị H2 đã thỏa thuận giao tài sản thế chấp, thanh toán được một phần. Tính

đến ngày 21/9/2023 Nợ gốc: 1.243.420.473 đồng; nợ lãi quá hạn là: 660.520.858 đồng.

Căn cứ các nội dung nêu trên, V1 Chi nhánh tỉnh S yêu cầu Tòa án tuyên buộc như sau:

Tuyên buộc ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1 toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/9/2023 là: 1.903.941.331 đồng.

Trong đó: Nợ gốc: 1.243.420,473 đồng; nợ lãi quá hạn là: 660.520.858 đồng

Tuyên buộc ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 07.25/2022-HĐCVHM/NHCT190, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án, quyết định cho đến ngày thực tế ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 trả hết nợ gốc cho V1.

T1 nếu ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì V1 Chi nhánh tỉnh S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và đã được xem xét tại chỗ, gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2; ông Quàng Văn H3 và bà Quàng Thị T; ông Quàng Văn P2 và bà Quàng Thị V; ông Quàng Văn È và bà Quàng Thị K1; ông Lường Văn B và bà Lường Thị P3; ông Lò Văn K và bà Quàng Thị P.

Tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho V1, thì V1 Chi nhánh tỉnh S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 trình bày:

Hai ông bà thừa nhận việc vay tiền của V1 Chi nhánh tỉnh S, thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với lý do làm ăn thua lỗ, do bệnh dịch covid. Nay nhất trí yêu cầu của V1 Chi nhánh tỉnh S. Quá trình giải quyết vụ án đã giao tài sản thế chấp, thanh toán được một phần cho V1 Chi nhánh tỉnh S, ông Quàng Văn O, bà Cà Thị H2 yêu cầu trừ đi và nhất trí khoản nợ còn lại, đang tìm cách thanh toán.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Quàng Thị M và ông Lèo Văn C trình bày: Công nhận ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 69.25/2016-HĐTC ngày 15/11/2016: Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 702257 do

UBND huyện M cấp ngày 02/11/2016. Hai bên đã thỏa thuận bán và nộp đủ tiền cho Ngân hàng.

Ông Quàng Văn P2 và bà Quàng Thị V trình bày: Công nhận ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 21.01/2019-HĐBĐ/NHCT190 ngày 03/10/2019: Quyền sử dụng đất số AN 863785 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009, để cho ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 vay tiền, hai ông bà không được vay số tiền này, nay ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 làm ăn vỡ nợ, Ngân hàng yêu cầu hai ông bà trả nợ thay hoặc giao đất nhà cho Ngân hàng, hai ông bà không nhất trí.

Ông Quàng Văn H3 và bà Quàng Thị T trình bày: Công nhận ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 06.01/2019-HĐBĐ/NHCT190 ngày 18/3/2019: Quyền sử dụng đất số AN 863613 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009, để cho ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 vay tiền, hai ông bà không được vay số tiền này, nay ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 làm ăn vỡ nợ, Ngân hàng yêu cầu hai ông bà trả nợ thay hoặc giao đất nhà cho Ngân hàng, hai ông bà không nhất trí.

Ông Lường Văn B và bà Lèo Thị P1 trình bày: Công nhận ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 54.25/2017-HĐTC ngày 09/11/2017: Quyền sử dụng đất số AN 863705 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009, để cho ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 vay tiền, hai ông bà không được vay số tiền này, nay ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 làm ăn vỡ nợ, Ngân hàng yêu cầu hai ông bà trả nợ thay hoặc giao đất nhà cho Ngân hàng, hai ông bà không nhất trí.

Ông Quàng Văn È và bà Quàng Thị K1 trình bày: Công nhận ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 53.25/2017-HĐTC ngày 09/11/2017: Quyền sử dụng đất số AN 863723 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009, để cho ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 vay tiền, hai ông bà không được vay số tiền này, nay ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 làm ăn vỡ nợ, Ngân hàng yêu cầu hai ông bà trả nợ thay hoặc giao đất nhà cho Ngân hàng, hai ông bà nhất trí đề nghị dãn nợ cho thanh toán trả dần.

Bà Quàng Thị P và ông Lò Văn K trình bày: Công nhận ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 55.25/2017-HĐTC ngày 09/11/2017: Quyền sử dụng đất số AN 863793 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009, để cho ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 vay tiền, hai ông bà không được số tiền này, nay ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 làm ăn vỡ nợ, Ngân hàng yêu cầu hai ông bà trả nợ thay hoặc giao đất nhà cho Ngân hàng, hai ông bà nhất trí giao đất cho Ngân hàng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2023/KDTM-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La xét xử và quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

quy định về án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C1, chi nhánh tỉnh S (V1).

2. Buộc ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP C1, chi nhánh tỉnh S cụ thê:

Tiền nợ gốc 1.243.420,473, đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn bốn trăm bẩy mươi ba đồng).

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/9/2023: nợ lãi quá hạn là 660.520.858, đồng (sáu trăm sáu mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn tám trăm năm mươi tám đồng). Tổng cộng: 1.903.941.331, đồng (một tỷ chín trăm linh ba triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 còn phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo qui định tại hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2023 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP C1, chi nhánh tỉnh S có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ:

Quyền sử dụng đất số AN 863793 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009. Số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số: 00296/QSDĐ: Quyển 01 QĐ số: 2473/QĐ-UBND mang tên hộ bà Quàng Thị P và ông Lò Văn K, địa chỉ tại bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, số thửa đất: 15, tờ bản đồ: 16, diện tích: 761m^2 trong đó đất ở nông thôn 400m^2, đất trồng cây lâu năm 361m^2. Tài sản trên đất là: Nhà xây 01 tầng, diện tích xây dựng 200m, diện tích sử dụng 200m^2.

Quyền sử dụng đất số AN 863723 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009. Số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số: 00223/QSDĐ: Quyển 01 QĐ số: 2473/QĐ-UBND mang tên hộ ông Quàng Văn È và bà Quàng Thị K1, địa chỉ tại bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, số thửa đất: 286, tờ bản đồ: 11, diện tích: 1045m^2 trong đó đất ở nông thôn 400m^2, đất trồng cây lâu năm 645m^2. Tài sản trên đất là: Nhà mái thái, diện tích xây dựng 60m^2, diện tích sử dụng 60m^2.

Quyền sử dụng đất số AN 863705 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009. Số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số: 00203/QSDĐ: Quyển 01 QĐ số:

2473/QĐ-UBND mang tên hộ ông Lường Văn B và bà Lèo Thị P1, địa chỉ tại bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, số thửa đất: 51, tờ bản đồ: 16, diện tích: 1643m^2 trong đó đất ở nông thôn 400m^2, đất trồng cây lâu năm 1243m^2. Tài sản trên đất là: Nhà xây 01 tầng mái lợp tôn, diện than tích xây dựng 104m^2, diện tích sử dụng 104m^2.

Quyền sử dụng đất số BT 553584 do UBND Huyện M cấp ngày 20/10/2004. Số vào sổ cấp GCN: CH01448 QĐ số 2816/QĐ-UBND mang tên ông Lèo Văn Q đã chuyển nhượng cho ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 theo xác nhận của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M ngày 03/08/2018, địa chỉ tại bản Giàn, xã M, Huyện M, tỉnh Sơn La, số thửa đất: 3, tờ bản đồ: 51, diện tích: 113.6 m^2 trong đó đất ở 60m^2, đất trồng cây lâu năm 53.6m^2. Chưa có tài sản trên đất.

Quyền sử dụng đất số AN 863613 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009. Số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số: 00013/QSDĐ: Quyển 01 QĐ số: 2473/QĐ-UBND mang tên hộ ông Quàng Văn H3 và bà Quàng Thị T, địa chỉ tại bản H, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, số thửa đất: 19, tờ bản đồ: 8, diện tích: 1332 m^2 trong đó đất ở nông thôn 400 m^2, Đất trồng cây lâu năm: 932 m^2. Tài sản trên đất là: Nhà 2 tầng kiên cố diện tích xây dựng 107 m^2, diện tích sàn 224 m^2.

Quyền sử dụng đất số AN 863785 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009. Số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số: 00286/QSDĐ: Quyển 01 QĐ số: 2473/QĐ-UBND mang tên hộ ông Quàng Văn P2 và bà Quàng Thị V, địa chỉ tại bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, số thửa đất: 32, tờ bản đồ: 16, diện tích: 3161 m^2 trong đó đất ở nông thôn 400 m^2, đất trồng cây lâu năm: 2761m^2. Tài sản trên đất là: Nhà sàn gỗ, diện tích xây dựng 80 m^2.

05 trái phiếu mã số CTG1828T2/01-0532 ngày 29/6/2018 mang tên ông Quàng Văn O. Giá trị bảo đảm 50.000.000, đồng.

4. Trường hợp ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP C1, chi nhánh tỉnh S có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lường Văn B có kháng cáo đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2023/KDMT-ST ngày 21/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án đối với phần của gia đình ông, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Quàng Văn O

và bà Cà Thị H2 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lường Văn B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của người kháng cáo ông Lường Văn B: Giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét buộc ông Quàng Văn O trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lường Văn B.

Ý kiến của nguyên đơn: Trình tự, thủ tục thế chấp đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Lường Văn B, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của ông Lường Văn B được nộp ngày 6/10/2023 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn, hình thức và nội dụng kháng cáo theo quy định tại các điều 271, 272, 273 và 276 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP C1 (V1) và bị đơn ông Quàng Văn H5, bà Cà Thị H2 xuất phát từ việc ông O và bà H2 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng V1, chi nhánh tỉnh S. Trên cơ sở đó Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 có địa chỉ tại bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường La thụ lý sơ thẩm để giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Quàng Văn O, bà Cà Thị H2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quàng Thị M, ông Lèo Văn C, bà Quàng Thị P, ông Lò Văn K, ông Quàng Văn È, bà Quàng Thị K1, ông Quàng Văn H3, bà Quàng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; xét thấy sự vắng mặt của bị đơn ông Quàng Văn O, bà Cà Thị H2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quàng Thị M, ông Lèo Văn C, bà Quàng Thị P, ông Lò Văn K, ông Quàng Văn È, bà Quàng Thị K1, ông Quàng Văn H3, bà Quàng Thị T cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quá trình ký kết hợp đồng, Hợp đồng cho vay số 07.25/2022-HĐCVHM/NHCT190 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP C1 chi nhánh S và ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự 2015 nên hoàn toàn hợp pháp. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

[2.2] Về quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP C1 đã thực hiện giải ngân 5.000.000.000 (năm tỷ đồng), ông Quàng Văn O và bà Cà Thị H2 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông O và bà H2 thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án hai bên đã thỏa thuận giao tài sản thế chấp, thanh toán được một phần. Tính đến ngày 21/9/2023 Nợ gốc: 1.243.420.473 đồng; nợ lãi quá hạn là: 660.520.858 đồng; tổng cộng: 1.903.941.331 đồng.

Ông O và bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 chi nhánh tỉnh S về việc buộc ông, bà Oan H6 phải trả Ngân hàng V1 chi nhánh tỉnh S số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 21/9/2023 là có căn cứ, đúng quy định.

[2.3] Xét hợp đồng thế chấp bất động sản số 54.25/2017-HĐTC ngày 09/11/2017 giữa ông Lường Văn B, bà Lèo Thị P1 với nguyên đơn Ngân hàng TMCP C1 chi nhánh tỉnh S: hợp đồng được các bên ký kết dựa trên ý chí tự nguyện và các bên đều có đủ thẩm quyền, có đầy đủ năng lực pháp luật; mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng này là hợp pháp, là cơ sở để phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất số AN 863705 do UBND Huyện M cấp ngày 17/11/2009. Số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số: 00203/QSDĐ: Quyển 01 QĐ số: 2473/QĐ- UBND mang tên hộ ông Lường Văn B và bà Lèo Thị P1, địa chỉ tại bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, số thửa đất: 51, tờ bản đồ: 16, diện tích: 1643m2 trong đó đất ở nông thôn 400m, đất trồng cây lâu năm 1243m2. Tài sản trên đất là: Nhà xây 01 tầng mái lợp tôn, diện tích xây dựng 104m2, diện tích sử dụng 104m2 là tài sản hợp pháp của ông Lường Văn B và bà Lèo Thị P1. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp nêu trên là hoàn toàn hợp pháp. Nay ông O và bà H6 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V1 cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[2.4] Tại phiên toà ông B cũng không đưa ra thêm được chứng cứ, tài liệu gì về việc ông O, bà H6 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông để thế chấp. Do vậy, việc ông B cho rằng không nhận được số tiền vay nên không có trách nhiệm thanh toán khoản nợ, yêu cầu ông O và bà H6 trả lại đất cho ông B là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên không chấp nhận kháng cáo của ông Lường Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về quyền lợi và nghĩa vụ giữa vợ chồng ông B, bà P1 và ông O, bà H6: ông Lường Văn B, bà Lèo Thị P1 có quyền khởi kiện ở vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: ông Lường Văn B là người cao tuổi nên được miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lường Văn B; Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2023/KDTM-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Lường Văn B được miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 22/11/2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mường La;
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- VKSND huyện Mường La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Minh **Điêu Thị Kim Liên** **Lại Thị Hiếu**